

Bản án số: 25 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-04-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng
Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng
Ông Nguyễn Viết Dũng

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 46A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 50/2024/TB-TA ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn H - sinh năm 1972. Nơi cư trú: K đường P, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1975. Địa chỉ: A, N, XX Canada (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 04 tháng 7 năm 2016, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị P kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng. Việc kết hôn của vợ chồng là tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 04 tháng thì bà P về lại Canada sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng không thường xuyên

liên lạc, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà P.

- Về con chung: Ông Lê Văn H xác định không có con chung với bà Nguyen Thi P.

- Về tài sản chung: Ông và bà Nguyen Thi P không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông và bà Nguyen Thi P không có nợ chung.

Bị đơn - bà Nguyen Thi P đã được Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Canada thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian mở phiên họp hòa giải và phiên tòa nhưng cho đến nay phía bà Nguyen Thi P không có văn bản phản hồi thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Văn H, nơi cư trú: K đường P, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Nguyen Thi P, địa chỉ: A, N, XX, Canada nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn - ông Lê Văn H và bị đơn - bà Nguyen Thi P, theo quy định tại Điều 122 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành lập hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ N và Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy trình, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự đối với bà Nguyen Thi P.

Ngày 08/9/2023, Bộ Tư pháp đã có Công hàm số: 2460/CH-BTP gửi Bộ Tổng Chương lý Tòa án bang Ontario, Canada hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bà Nguyen Thi P.

Ngày 15/12/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Nguyen Thi P không có mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 15/12/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có công văn số: 1216/2023/CV-TA gửi Bộ Tư pháp về việc trả lời kết quả ủy thác tư pháp đối

với bà Nguyen Thi P nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trả lời. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyen Thi P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn H và bà Nguyen Thi P kết hôn với nhau ngày 04/7/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông H, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 04 tháng thì bà P về lại Canada sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng không thường xuyên liên lạc, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà P.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông H và bà Nguyen Thi P chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích của hôn nhân không đạt được. Còn bà Nguyen Thi P đến nay, vẫn không có ý kiến phản hồi, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà Nguyen Thi P, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Lê Văn H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Văn H xác định không có, bà Nguyen Thi P vắng mặt, không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H phải chịu 300.000 đồng.

[4] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài ông H phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 477, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của ông Lê Văn H với bà Nguyen Thi P.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyen Thi P.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005222 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Ông Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tổng đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0009848 ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ông Lê Văn H đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo Thông báo số: 118/2023/TB-TA ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng là 100 đô la Canada ông Lê Văn H phải chịu (đã nộp xong).

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực:

Ông Lê Văn H phải chịu 560.000 đồng chi phí dịch thuật theo Hóa đơn bán hàng số 00000124 ngày 14/8/2023 và 40.000 đồng phí chứng thực chữ ký theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0011720 ngày 14/8/2023 của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ông Lê Văn H đã nộp đủ chi phí dịch thuật và chứng thực.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Nguyen Thi P không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

